

Bản án số: 44 /2022/DS-ST  
Ngày: 26/7/2022.  
“V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng đặt cọc”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trương Thị Bích Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phát Triển.
2. Ông Nguyễn Duy Oanh.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp, đồng đặt cọc*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1956; (có mặt).

Địa chỉ: 551/2 ấp HĐ, xã TH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1960; (vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

Địa chỉ: 667/5 ấp HĐ, xã VT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:*

Năm 2018 bà S có thỏa thuận mua bán củi với bà L với giá là 200.000đ/m<sup>2</sup> củi, để đảm bảo thực hiện hợp đồng này bà S đã đặt cọc cho bà L số tiền 1.500.000đ hai bên thỏa thuận khi nào bà L đốn vườn mận thì bà S sẽ mua hết củi.

Do bà S và bà L là hàng xóm nên không có làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Sau thời gian đưa tiền cọc cho bà L thì bà L đốn hết vườn mận thì bà S hay có nói với bà L là sáng hôm sau bà S qua lấy củi việc bà S nói sáng hôm sau qua lấy củi nhà bà L chỉ có bà S và bà L không ai nghe và chứng kiến và bà L đồng ý. Tuy nhiên, trong buổi tối hôm đó bà L cho người chở hết củi bán cho người khác, bà S có đến nhà bà L cũng không thấy củi mà bà L bán cho bà S. Do bà L không bán củi cho bà S như đã thỏa thuận nên từ năm 2018 đến năm 2020 bà S nhiều lần yêu cầu bà L trả lại 1.500.000đ tiền mà bà S đặt cọc để mua củi nhưng bà L không đồng ý. Ngày 02/3/2020 Ban nhân dân ấp Hòa Định xã Vĩnh Thới tổ chức hòa giải việc tranh chấp giữa bà S và bà L, trong biên bản bà L có thừa nhận thỏa thuận mua bán củi với bà S và có nhận tiền cọc là 1.500.000đ nhưng không đồng ý trả tiền lại cho bà S. Nay bà S yêu cầu bà L trả lại cho bà S 1.500.000đ không yêu cầu tính lãi.

*Trong quá trình thu thập chứng cứ bị đơn Lê Thị L trình bày:* Cách nay khoảng 5 đến 6 năm bà L không nhớ bà L có bán cho bà S củi mận, xoài (khoảng 11 đến 12 thước) sau khi thỏa thuận thì bà S đã đưa cho bà L 1.500.000đ tiền cọc, sau khi nhận tiền cọc một thời gian bà L đã giao củi cho bà S xong nhưng bà S chỉ chở ½ số củi, ½ số củi còn lại do bà S không chở không phải bà L không giao củi cho bà S như bà S trình bày, hiện nay củi đã mục nát không còn. Bà L bán củi cho bà S đã giao củi xong nhưng do bà S không chở về hết là lỗi của bà S nên bà L không đồng ý trả lại cho bà S 1.500.000đ tiền cọc theo yêu cầu của bà S. Việc bà S đến nhà bà L chở củi có bà Nguyễn Thị C là em chồng bà L nhà sát vách nhà bà L nhìn thấy.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà Ch là chị chồng của bà L(chị ruột chồng bà L) nhà bà Ch liền kề nhà bà L. Việc bà L và bà S thỏa thuận mua bán củi thì bà Ch không biết, nhưng bà Ch có chứng kiến việc bà S đến nhà bà L chở củi mang đi nhưng mang đi bao nhiêu bà Ch không biết, ngoài ra bà Ch không biết việc gì khác.

Tại biên bản khảo sát nơi bà L cho rằng trước đây để củi bán cho bà S ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung ghi nhận: hiện trạng nơi để củi mà bà L bán cho bà S trước đây hiện nay thực tế là một nền nhà bà L không biết chủ đất là ai hiện đang ngập nước có nhiều rau muống mọc xung quanh ngoài ra không nhìn thấy gì khác, bà L cho rằng do để lâu năm nên củi mục nát hết không còn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu tại phiên tòa: về việc tuân theo pháp luật của của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên

đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L trả lại cho bà S tiền đặt cọc mua củi là 1.500.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về án phí phí, quyền kháng cáo, thi hành án theo quy định pháp luật.

Kiến nghị: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị S khởi kiện tranh chấp về tiền đặt cọc mua bán củi với bị đơn là bà Lê Thị L nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 328 Bộ Luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là bà Lê Thị L có hộ khẩu thường trú tại ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập bà L xét xử lần thứ hai đã tổng đạt hợp lệ và bà L đã ký nhận nhưng bà L không đến tham dự phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị L.

[4] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị S yêu cầu bà Lê Thị L trả lại cho bà S số tiền 1.500.000đ tiền mà bà S đã đặt cọc mua củi của bà L trước đây.

Bà S khởi kiện bà L đòi lại tiền đặt cọc đã nộp chứng cứ là biên bản hòa giải ngày 02/3/2020 của Ban nhân dân ấp Hòa Định xã Vĩnh Thới để chứng minh việc khởi kiện của bà S. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2022; ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đối với bà Lê Thị L thì bà L đã thừa nhận có nhận của bà S 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), do phía bị đơn đã thừa nhận có nhận tiền cọc mua củi của bà S như bà S trình bày và yêu cầu nên thuộc trường hợp đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L cho rằng sau khi nhận tiền cọc của bà S bà L đã giao củi cho bà S xong, bà S không thừa nhận việc này nên đây thuộc trường hợp bà L phải chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà S vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của bà S Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà S và bà L có thỏa thuận mua bán củi với nhau và bà S đã đưa cho bà L 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền cọc là có thật, được chứng minh qua lời trình bày và thừa nhận của các đương sự trong quá trình Tòa thu thập chứng cứ. Bà L cho rằng sau khi nhận tiền cọc của bà S thì bà L đã giao

đủ số củi đã bán cho bà S và bà S đã nhận  $\frac{1}{2}$  còn lại  $\frac{1}{2}$  do bà S không nhận không phải bà L không giao hiện đã mục nát không còn. Việc bà L cho rằng bà S đã nhận hết củi theo thỏa thuận mua bán giữa hai bên nhưng bà S không thừa nhận đây là thuộc trường hợp bà L phải chứng minh, trong quá trình thu thập chứng cứ bà L đưa là người làm chứng bà Nguyễn Thị Ch là chị chồng của bà L trình bày là có thấy bà S đến nhà bà L chở củi nhưng không biết chở bao nhiêu và bà Ch không biết việc bà L và bà S thỏa thuận mua bán củi. Việc bà L đưa ra người làm chứng là bà Ch là chị chồng của bà L bà Ch cũng trình bày chung chung và mối quan hệ là chị em trong gia đình nên đây không được xem là căn cứ chứng minh lời trình bày của bà L là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Tại Điều 328 Bộ luật dân sự có quy định “1. Đặt cọc là việc một bên (sau đây được gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để đảm bảo giao kết hoặc thực hiện hợp đồng...”.

Từ những căn cứ và điều luật đã phân tích trên, xét yêu cầu của bà S về việc yêu cầu bà L trả lại 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) không yêu cầu tính lãi hay phạt cọc là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà S được chấp nhận nên không phải chịu án phí STDS và bà S thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí. Bà L bị buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng do bà L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị S số tiền đặt cọc mua củi là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

[2] Về án phí, tạm ứng án phí: Do bà S và L là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 05/5/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- Chi cục THADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Bích Thủy.**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Bích Thủy**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Bích Thủy**

